

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tính thuế tài nguyên năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và cơ quan thuế các cấp.
2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên là khoáng sản không kim loại và nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2021 và tỷ lệ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên ra sản lượng tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Mã nhóm, loại tài nguyên						Tên nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (ĐVT: đồng)
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6			
II						Khoáng sản không kim loại		
	III					Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	60.000
	II5					Cát		
		II501				Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	m ³	68.000
V						Nước thiên nhiên		
		V102				Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp		

			V10201			Nước thiên nhiên khai thác tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m ³	100.000
			V10202			Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m ³	500.000
	V2					<i>Nước thiên nhiên dùng cho kinh doanh sản xuất nước sạch</i>		
		V201				Nước mặt	m ³	4.000
		V202				Nước dưới đất (nước ngầm)	m ³	6.000
	V3					<i>Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác</i>		
		V301				Nước thiên nhiên dùng trong sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước đá	m ³	50.000
		V303				Nước thiên nhiên dùng mục đích khác (làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng, dùng cho sản xuất, chế biến thủy sản, hải sản, nông sản...)	m ³	7.000

2. Tỷ lệ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên và sản phẩm công nghiệp.

a) Tài nguyên cát san lấp: 1:1.

b) Nước thiên nhiên: 1:1.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định giá tính thuế tài nguyên năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Tổng Cục Thuế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các Ban đảng tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP. HĐND và các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.NCTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Trương Cảnh Tuyên